TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Nhàn.

Bà Phan Thị Nga.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang***: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 54/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1987. (Có mặt)

Cư trú: Khóm L, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Cư trú: Ấp L, xã G, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày: Tôi và ông T chung sống vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hôn nhân do tự tìm hiểu. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung cho đến nay, không tới lui thăm nhau. Lý do mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vấn đề tài chính. Gia đình 02 bên không dàn xếp. Nay nhận thấy tình cảm không còn, tôi yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Kim T1, sinh ngày 09/3/2014. Hiện cháu T1 đang sống chung với tôi. Khi ly hôn, yêu cầu

được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Thanh T đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, Bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Bà Trần Thị P khởi kiện ông Nguyễn Thanh T, ông T cư trú ấp L, xã G, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2]. *Về hôn nhân:* Bà P và ông T sống chung với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp. Quá trình chung sống do ông, bà bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, gia đình hai bên không tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Bà P và ông T ly thân từ năm 2013 đến nay không còn liên lạc, vợ chồng không quan tâm lẫn nhau, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa bà P và ông T không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà P xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Bà P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Kim T1, sinh ngày 09/3/2014. Hiện cháu T1 đang sống chung với bà P. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu T1 sống ổn định với bà P vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T1 cho bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với ông T.

[5]. *Về tài sản chung:* Không có.

[6]. *Về nợ chung:* Không có.

Ghi nhận bà P xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà P và ông T thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. *Về hôn nhân:* Bà Trần Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

[2]. *Về con chung:* Bà Trần Thị P được tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Kim T1, sinh ngày 09/3/2014.

Bà P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3]. *Về tài sản chung:* Không có.

[4]. *Về nợ chung:* Không có.

[5]. *Về án phí*: Bà Trần Thị P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019134 ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới